KHOA KẾ TOÁN VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

**B2. NGÀNH KẾ TOÁN** **(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)  
Mã số: 8 34 03 01**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành kế toán (định hướng ứng dụng) có kiến thức chuyên môn sâu về kế toán, kiểm toán và phân tích; có thể điều hành, kiểm soát các hoạt động kế toán và xử lý các tình huống phát sinh trong quản lý tài chính tại các doanh nghiệp và các tổ chức; có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm với tư duy sáng tạo, năng lực tự chủ và trách nhiệm; Học viên tốt nghiệp có thể làm việc trong lĩnh vực kế toán và quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức khác*.*

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Có kiến thức chuyên môn sâu về các vấn đề kế toán, kiểm toán, phân tích theo hướng hội nhập quốc tế; có tư duy sáng tạo; có khả năng giao tiếp và năng lực lãnh đạo;

Có khả năng xử lý các vấn đề thực tế và thời sự về kế toán và kiểm toán, kiểm soát; có thể vận dụng các kỹ năng phân tích, xử lý các tình huống phức tạp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản lý tài chính;

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật;

Trở thành chuyên gia kế toán, kiểm toán, kiểm soát, quản trị tài chính làm việc tại các doanh nghiệp, tập đoàn và các tổ chức khác trong và ngoài nước.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

*Kiến thức chung:*

Phân tích và đánh giá được tri thức triết học cho hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Ứng dụng được các tri thức của triết học vào thực tiễn đời sống.

*Kiến thức chuyên môn:*

Tổng hợp được kiến thức về phương pháp chuyên môn kế toán, kiểm toán, chuẩn mực kế toán và kiểm toán.

Vận dụng kiến thức nâng cao về kế toán, kiểm toán, kiểm soát, quản trị tài chính và quản trị doanh nghiệp vào thực tiễn.

Thiết kế và hoàn thiện hệ thống kế toán theo xu hướng hội nhập kế toán quốc tế.

1.2.2. Kỹ năng

*Kỹ năng chuyên môn:*

Tổ chức, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và quản trị tài chính trong tổ chức và doanh nghiệp;

Trình bày, phân tích thông tin kế toán và tham mưu về lĩnh kế toán, kiểm toán, tài chính cho nhà quản lý;

Thực hiện linh hoạt kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình vấn đề;

Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin để thu thập, xử lý thông tin kế toán,   
kiểm toán.

*Kỹ năng ngoại ngữ:*

Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu;

Có khả năng đọc, hiểu được nội dung cơ bản của các chủ đề liên quan đến kế toán, kiểm toán, thuế, quản trị tài chính.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hoàn thành công việc được giao;

Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

Trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

Có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên ngành và liên ngành.

2. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ NGUỒN TUYỂN SINH

**(Như đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu)**

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

Tổng số 60 tín chỉ, thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm.

3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

| **TT** | **Mã số** | **Tên học phần** | **Số TC** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Học phần bắt buộc** | | **30** |
| 1 | ML06002 | Triết học | 4 |
| 2 | SN06003 | Tiếng Anh | 2 |
| 3 | KQ06011 | Kế toán cho công tác quản lý | 2 |
| 4 | KQ06021 | Kiểm soát nội bộ ứng dụng | 2 |
| 5 | KQ06012 | Kỹ năng quản trị hiệu quả | 2 |
| 6 | KQ06015 | Phân tích thị trường và giá cả | 2 |
| 7 | KQ06024 | Phương pháp nghiên cứu trong kế toán | 2 |
| 8 | KQ06026 | Phương pháp kế toán cho quyết định kinh doanh | 2 |
| 9 | KQ06029 | Kế toán các khoản đầu tư và hợp nhất | 2 |
| 10 | KQ07069 | Phân tích và ra quyết định trong quản trị tài chính | 2 |
| 11 | KQ07095 | Ứng dụng định giá tài sản tài chính | 2 |
| 12 | KQ07074 | Quản trị chi phí | 2 |
| 13 | KQ07081 | Vận dụng chuẩn mực kế toán | 2 |
| 14 | KQ07079 | Kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh | 2 |
| **II** | **Học phần tự chọn (tối thiểu 18 tín chỉ)** | | **18** |
| **Tự chọn** | | | |
| 15 | KQ07085 | Kiểm toán ứng dụng | 2 |
| 16 | KQ06020 | Kỹ năng Phân tích kinh doanh | 2 |
| 17 | KQ07084 | Đầu tư tài chính | 2 |
| 18 | KQ07094 | Ứng dụng thuế suất và lãi suất | 2 |
| 19 | KQ06010 | Quản trị chuỗi cung ứng | 2 |
| 20 | KQ07090 | Xây dựng chương trình quản lý rủi ro | 2 |
| 21 | KQ07022 | Kế toán quốc tế nâng cao | 2 |
| 22 | KQ07035 | Kế toán thuế nâng cao | 2 |
| 23 | KQ07033 | Phát triển kĩ năng xây dựng kế hoạch kinh doanh | 2 |
| 24 | KQ07092 | Kiểm toán nội bộ ứng dụng | 2 |
| 25 | KQ07083 | Phân tích báo cáo kế toán quản trị | 2 |
| 26 | KQ07088 | Phân tích và quản trị rủi ro tài chính | 2 |
| 27 | KQ07089 | Thuế nâng cao | 2 |
| 28 | KQ06013 | Kỹ năng quản trị chiến lược | 2 |
| 29 | KQ07067 | Kỹ năng lãnh đạo tổ chức | 2 |
| 30 | KQ07093 | Kế toán công ứng dụng | 2 |
| 31 | KQ06022 | Thông tin kế toán tài chính | 2 |
| 32 | KQ 06028 | Báo cáo tài chính hợp nhất | 2 |
| 33 | KT07096 | Quản lý thông tin kinh tế | 2 |
| 34 | KT07061 | Phương pháp nghiên cứu định tính | 2 |
| 35 | KT07074 | Quản lý tài nguyên và môi trường nâng cao | 3 |
| **Tự chọn khác** | | | |
| 36 | KQ07067 | Kỹ năng lãnh đạo tổ chức | 2 |
| 37 | MT06020 | Biến đổi khí hậu và môi trường | 3 |
| 38 | MT07050 | Quản lý môi trường tổng hợp | 2 |
| 39 | TH07005 | Hệ thống thông tin quản lý | 3 |
| 40 | CP07046 | Hệ thống QLCL NSTP | 2 |
| 41 | KQ06020 | Kỹ năng phân tích kinh doanh | 2 |
| 42 | QL07033 | Quy hoạch sản xuất nông nghiệp | 2 |
| 43 | TY07027 | vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật | 2 |
| **III** | **Luận văn tốt nghiệp** | | **12** |
| 44 | KQ07994 | Luận văn thạc sĩ | 12 |
|  |  | **Tổng** | **60** |